



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư ATS

Ngày 30/06/2025	14,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.0%	13.1%	2.1%

DT thuần Q2/25
11.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60 15.7%
YoY: ▼ 0.50 -4.3%

LN thuần Q2/25
0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05 38.4%
YoY: ▼ 0.18 -50.0%

LN sau thuế Q2/25
0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04 42.0%
YoY: ▲ 0.08 137%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1.5%
YoY: +/- ▲ 0.3%

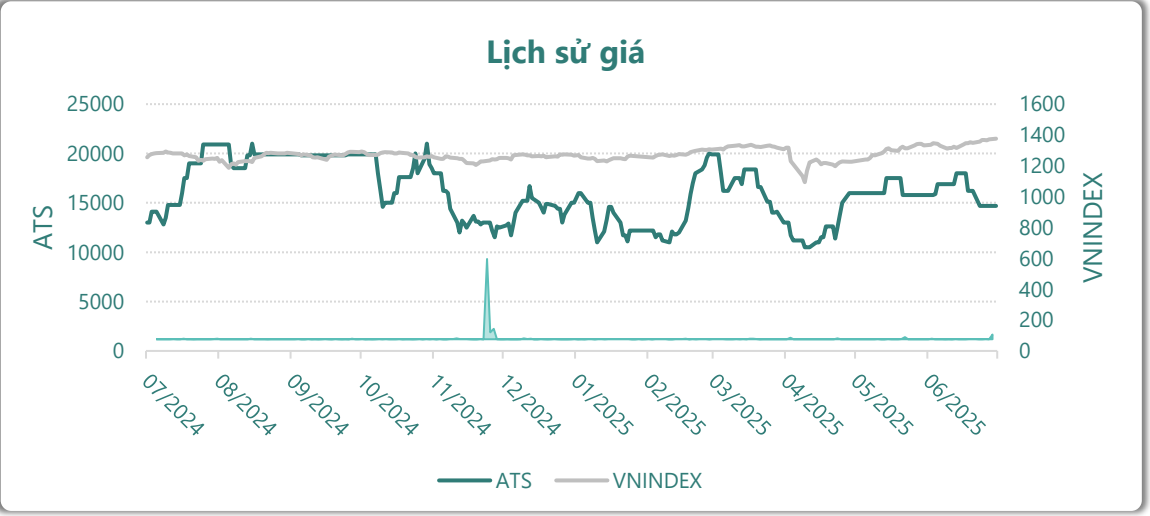
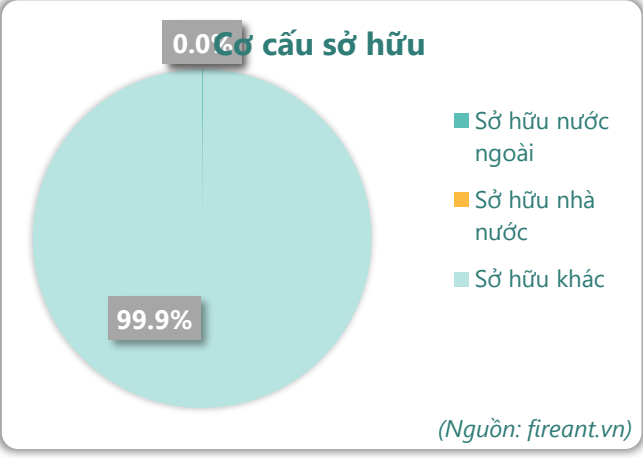
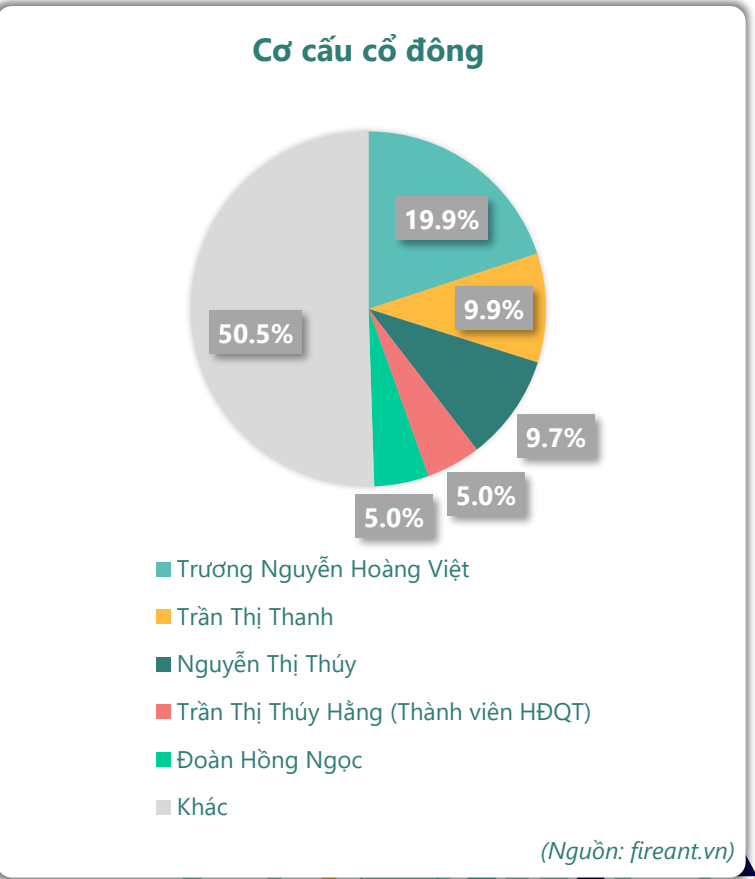
ROE (TTM) Q2/25
0.9%
YoY: +/- ▲ 0.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,500 - 21,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	51
Số lượng CPLH (CP)	3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.90
EPS	109
P/E	135.4

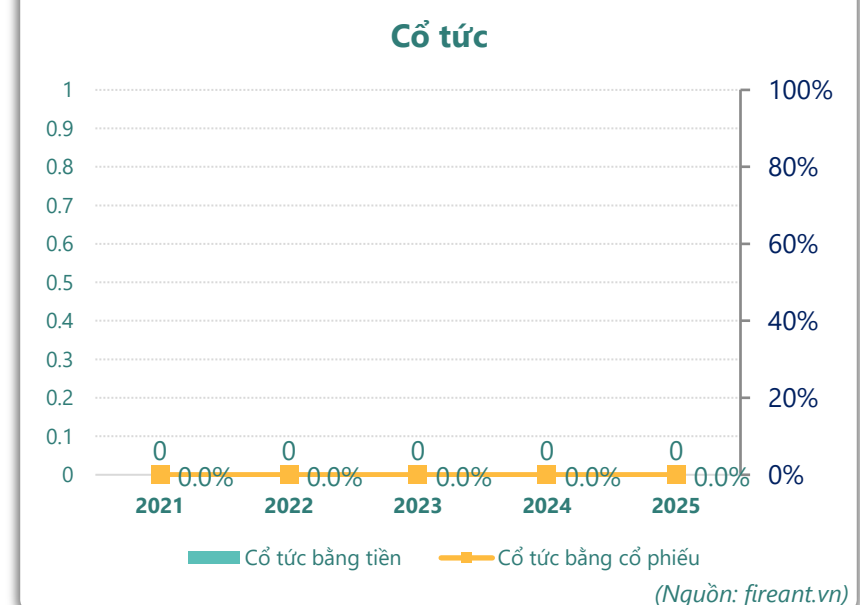
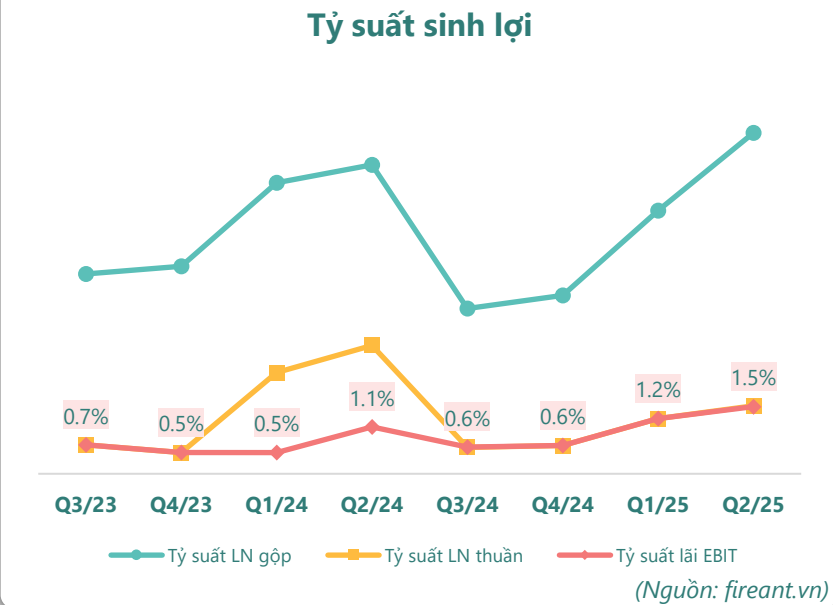
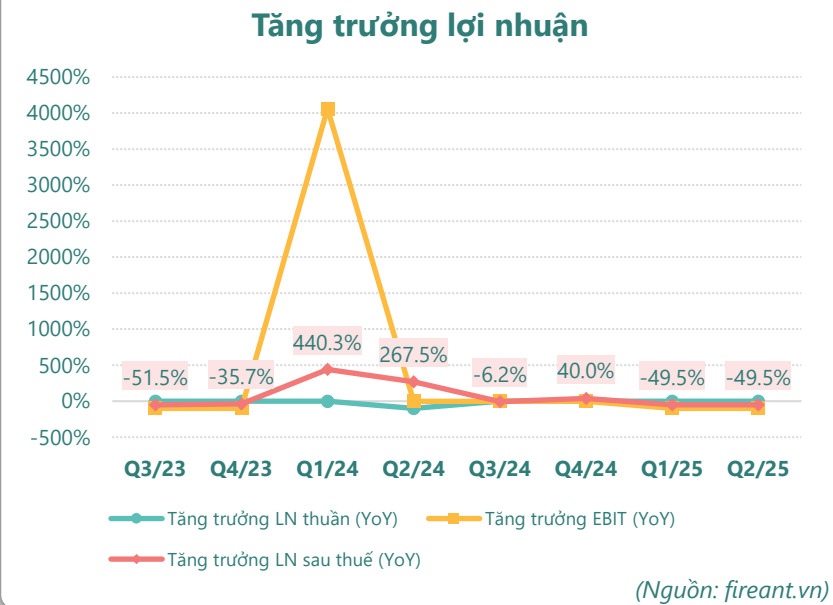
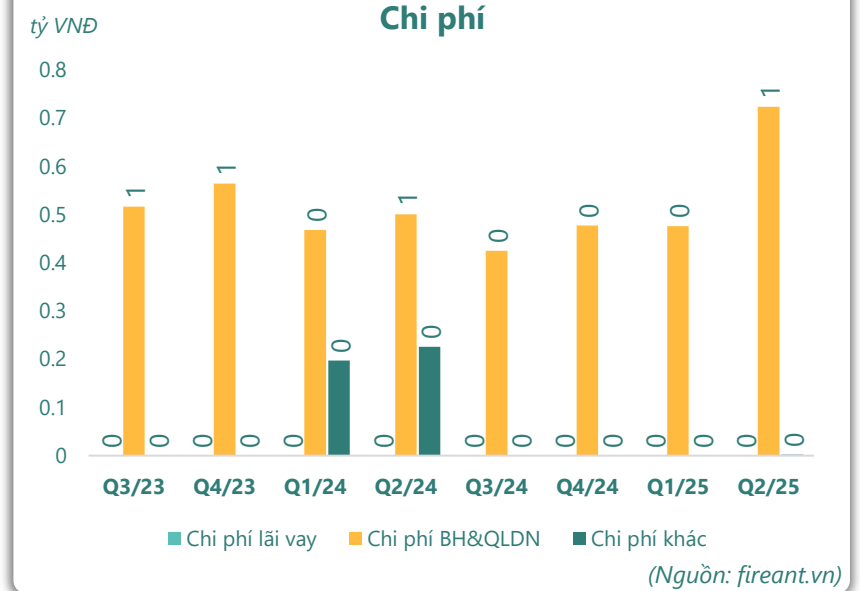
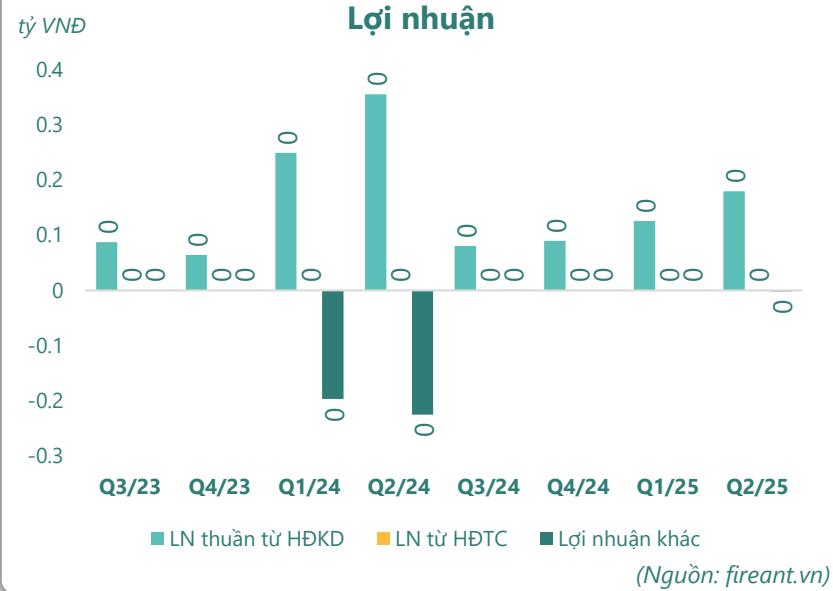
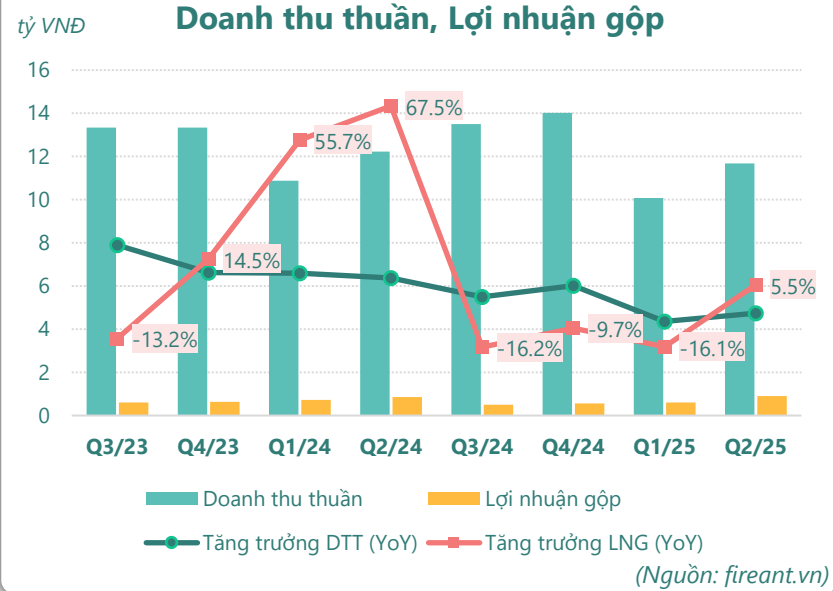
DT thuần 6T 2025
21.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.30 -5.8%

LN thuần 6T 2025
0.31
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.30 -49.5%

LN sau thuế 6T 2025
0.24
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.18 295%



KẾT QUẢ KINH DOANH

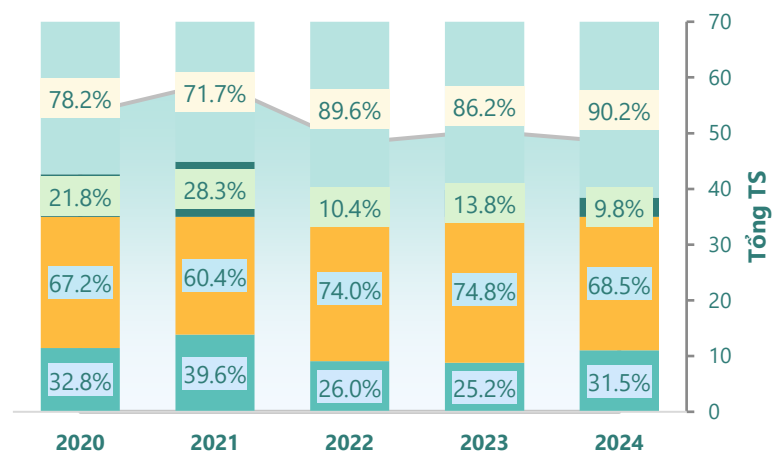




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

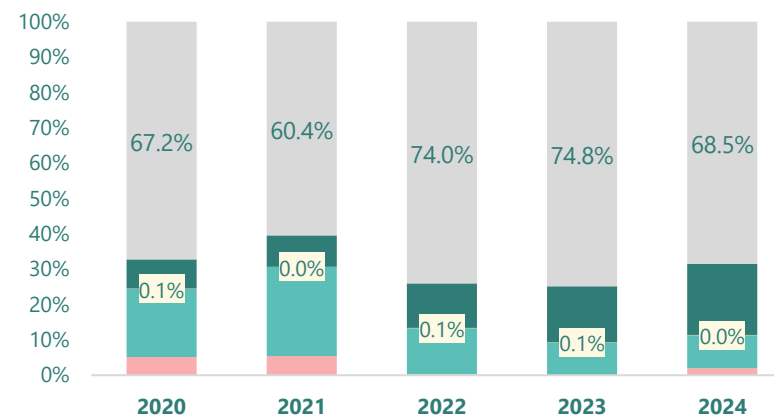
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

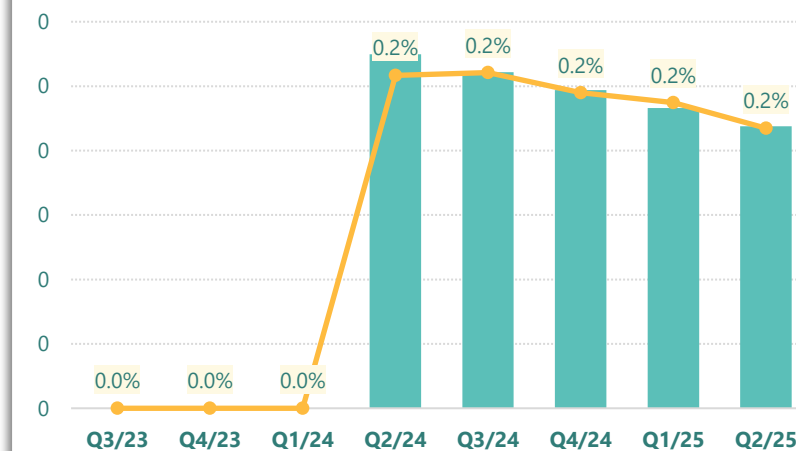


■ Tiền và ĐD tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

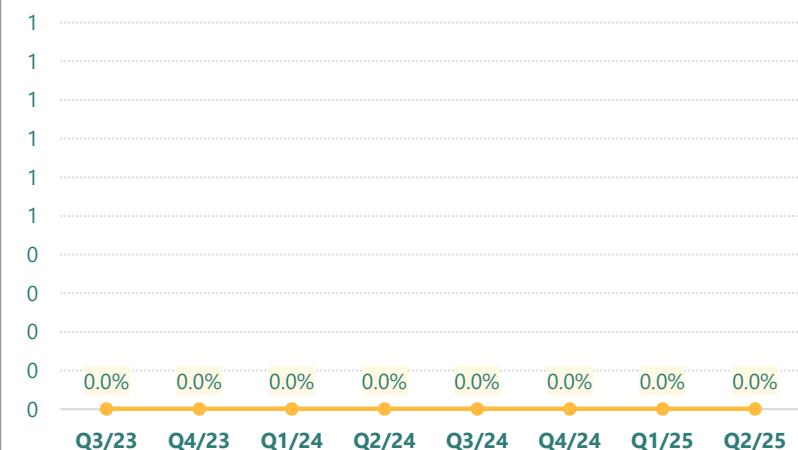


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

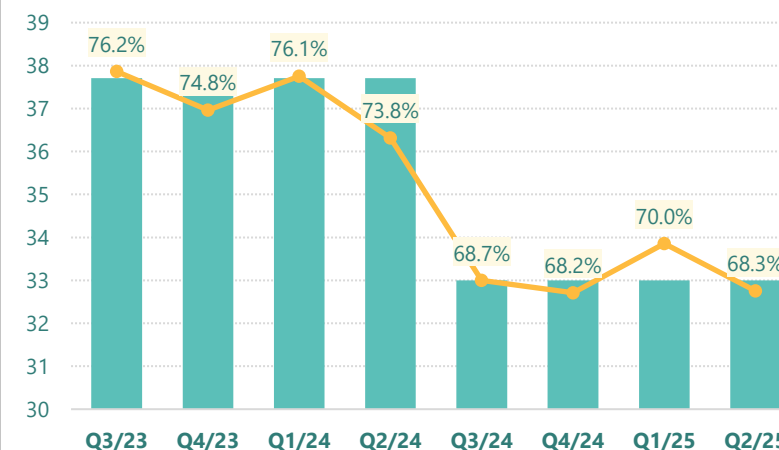


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

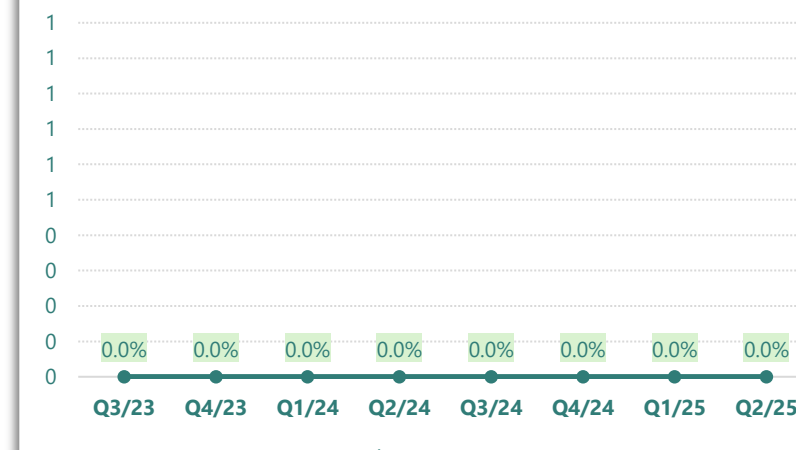


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



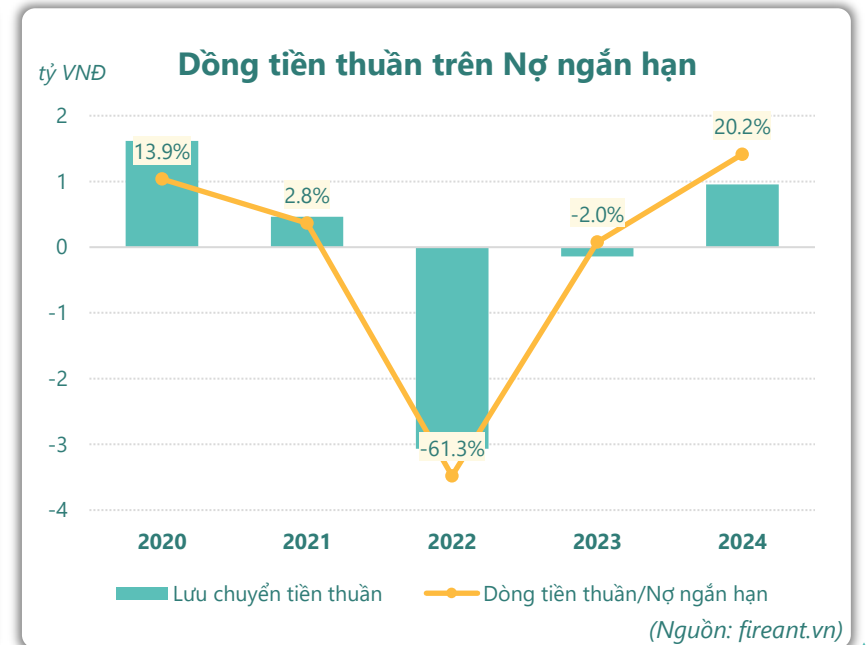
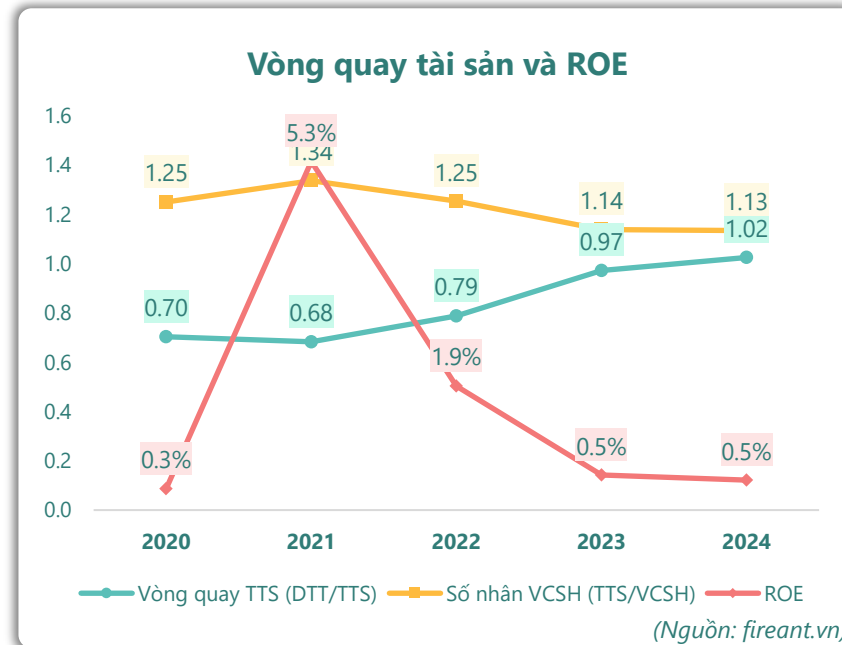
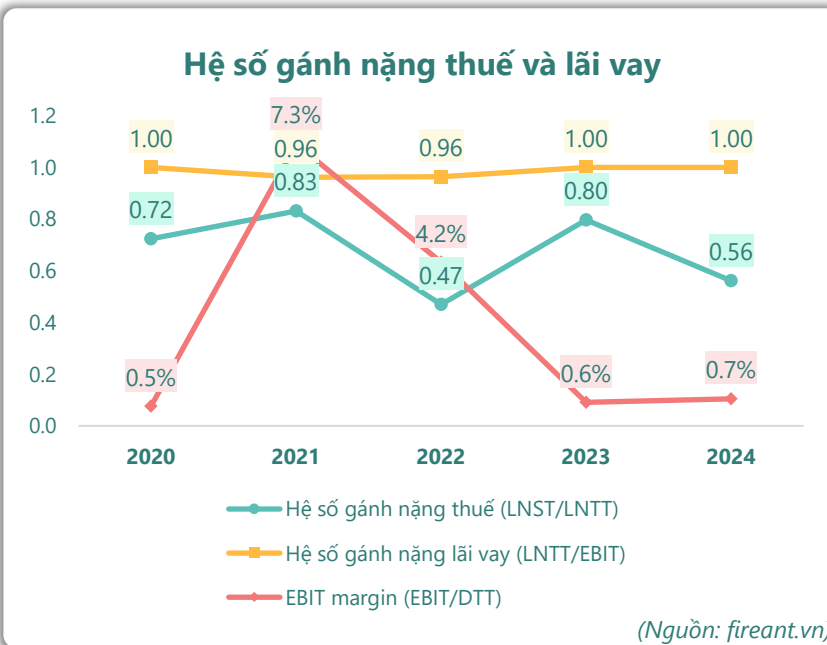
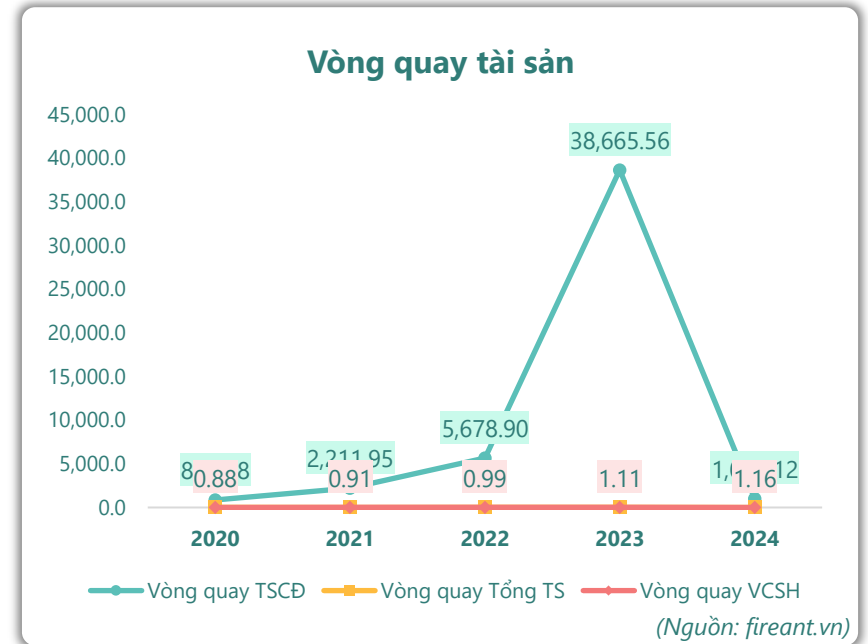
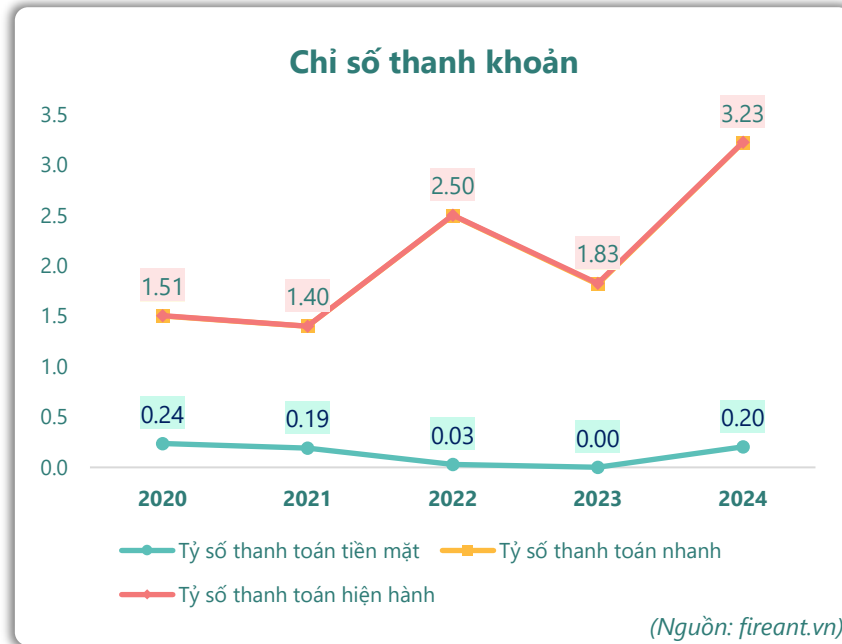
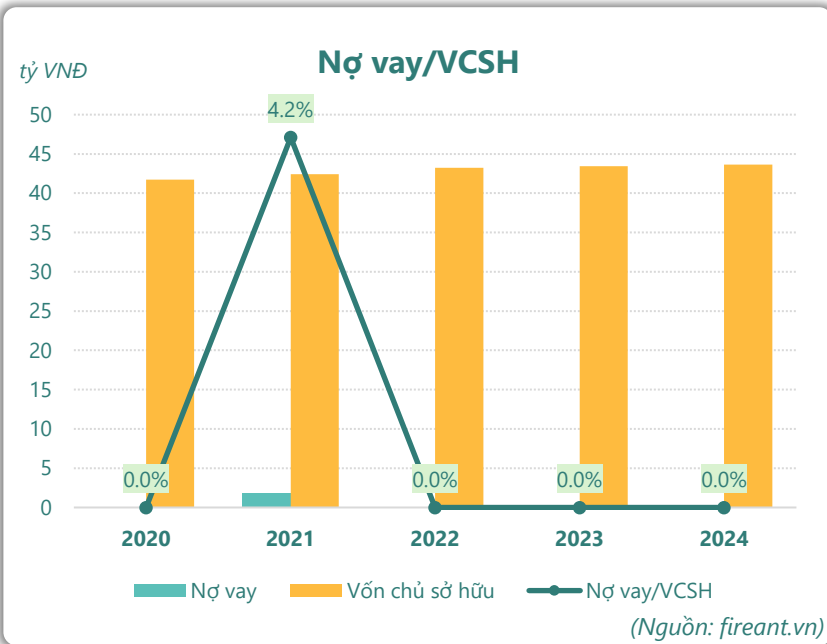
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

■ Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.7	12.2	-4.3%	21.8	23.1	-5.8%
Giá vốn hàng bán	10.8	11.4	-5.5%	20.3	21.5	-5.9%
Lợi nhuận gộp	0.90	0.86	5.1%	1.51	1.57	-4.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	96.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.72	0.50	44.8%	1.20	0.97	23.8%
LN thuần từ HĐKD	0.18	0.36	-50.0%	0.31	0.61	-49.5%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.23	99.2%	0.00	-0.42	99.6%
LN trước thuế	0.18	0.13	36.9%	0.30	0.18	66.5%
Lợi nhuận sau thuế	0.14	0.06	137%	0.24	0.06	295%
LNST của CĐ cty mẹ	0.14	0.06	137%	0.24	0.06	295%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0.19	-3.02	-0.92	-0.20	0.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.11	4.82	0.00	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.01	0.00	0.08	1.88	0.96	0.77
Lưu chuyển tiền thuần	0.00	0.08	1.80	-0.92	-0.20	0.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.00	0.08	1.88	0.96	0.77	0.91

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	48.3	48.4	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	15.2	15.2	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.91	0.96	-5.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.80	4.53	-16.0%
Hàng tồn kho	0.01	0.01	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	9.73	7.8%
Tài sản dài hạn	33.1	33.1	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.09	0.10	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	33.0	33.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.04	-21.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.44	4.72	-6.0%
Nợ ngắn hạn	4.44	4.72	-6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.87	3.89	-0.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.9	43.7	0.6%
Vốn chủ sở hữu	43.9	43.7	0.6%
Vốn điều lệ	35.0	35.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

